TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **235**/2022 /HC-PT
Ngày: 21-9-2022
V/v "*Khiếu kiện QĐHC, HVHC trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: ông **Lê Tự** và ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Viết Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 122/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*; do bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2226/2022/QĐPT-HC ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện*:** Ông Trần Văn T. Địa chỉ: Làng I, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc T. Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai và Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Phúc A – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh N – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: Làng C, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Dương Xuân H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Ông Siu Y và bà Siu V. Cùng địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông Siu Y có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Đ Cùng địa chỉ: Làng I, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B. Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người khởi kiện là ông Trần Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Hoàng Ngọc Tửu trình bày:

Năm 2013, ông Trần Văn T nhận chuyển nhượng đất của ông Siu Y và bà Siu V (cư trú tại: Làng M, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai), diện tích 4.139,5 m^2 tại làng C, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi chuyển nhượng, các bên viết giấy tay và không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông T đã thanh toán cho ông Siu Y, bà Siu V 300.000.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền, ông sử dụng đất để trồng 81 trụ hàng rào bê tông thì bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xử phạt vi phạm hành chính 27.500.000 đồng. Đến nay ông chưa chấp hành Quyết định xử phạt. Ngoài quyết định trên, Ủy ban nhân dân thành phố P còn ban hành Quyết định buộc cưỡng chế khắc phục hậu quả, yêu cầu ông khôi phục lại hiện trạng đất ban đầu. Sau đó, ông không đồng ý nên đã có đơn khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có quyết định giải quyết khiếu nại không đồng ý với việc khiếu nại của ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý đất đai số 88/QĐ-XP ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả số 1777/QĐ-CCXP ngày 03/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1793/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và Ủy ban nhân dân thành phố P là ông Võ Phúc Ánh có văn bản trình bày:

Khu vực đất ông T yêu cầu cấp Giấy CNQSDĐ nằm bên trái từ ngã ba đường liên xã và đường vào bãi rác đến tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn tránh đô thị P có diện tích 19.594m^2 (đã trừ chỉ giới đường giao thông và ranh giới đất rừng phòng hộ do Ban quản lý rừng phòng hộ B quản lý) thuộc thửa số 1 (gốc), tờ bản đồ số 47 tại làng C, xã G, thành phố P.

Theo Quyết định số 79/QĐ-PTLN ngày 17/3/2004 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán quản lý bảo vệ rừng năm 2004 thuộc Dự án 661 Thanh niên xung phong Gia Lai và bản đồ giao khoán kèm theo: Khu vực đất trên nằm trong khu vực rừng trồng năm 1997, thuộc Tiểu khu 395, phía Bắc giáp đường đi vào Uỷ ban nhân dân xã G do Dự án 661 Thanh niên xung phong quản lý. Khu vực đất trên thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai. Đến năm 2010, UBND thành phố P tổ chức trồng cây nhớ ơn Bác Hồ và bàn giao cho UBND xã G và Công ty xây dựng kinh tế Thanh niên xung phong tiếp nhận, quản lý tại Kế hoạch số 578/KH-UBND ngày 05/5/2010. Như vậy, khu vực đất này thuộc làng C, xã G do Uỷ ban nhân dân xã G quản lý.

Ông Siu Y, sinh năm 1990, thường trú tại làng M, xã I, thành phố P chuyển nhượng trái phép cho ông Trần Văn T với diện tích đất 91m **x** 60m (5.460m^2) bằng giấy viết tay ghi ngày 15/3/2013. Ngày 13/6/2020, ông Trần Văn T đã đào hố chôn 81 trụ rào trên diện tích 4.139,5m^2 đất tại khu vực quy hoạch đất rừng theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai tại làng C, xã G nêu trên. Hành vi của ông Trần Văn T là hành vi lấn, chiếm đất.

Ngày 25/5/2020, Uỷ ban nhân dân xã G có Thông báo số 16/TB-UBND về việc thông báo quỹ đất này thuộc quy hoạch đất rừng do Uỷ ban nhân dân xã G quản lý, nếu các hộ gia đình, cá nhân cố tình vi phạm thì UBND xã G sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật. Uỷ ban nhân dân xã G đã yêu cầu ông Trần Văn T dừng ngay việc chôn trụ và sử dụng đất khu vực này nhưng ông T không chấp hành, tiếp tục đào hố, xới đất.

Ngày 23/6/2020, Uỷ ban nhân dân xã G lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC đối với ông Trần Văn T về hành vi chôn trụ lấn chiếm diện tích 4.139,5m^2 đất có nguồn gốc là đất rừng.

Ngày 30/6/2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết

định số 88/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Văn T theo quy định tại Điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, áp dụng hình thức xử phạt tiền 27.500.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng),* biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Trần Văn T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất lấn chiếm theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, ông Trần Văn T không chấp hành Quyết định xử phạt nêu trên.

Ngày 06/7/2020, ông Trần Văn T có đơn khiếu nại đề nghị hủy Quyết định số 88/QĐ-XPHC ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông và được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

Ngày 03/10/2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1777/QĐ- CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn T.

Ngày 08/10/2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1793/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T tỉnh Gia Lai, trong đó: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn T đối với Quyết định số 88/QĐ-XPHC ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Từ những căn cứ trên, việc ông Trần Văn T yêu cầu hủy các Quyết định: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý đất đai số 88/QĐ-XP ngày 30/6/2020 ; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả số 1777/QĐ-CCXP ngày 03/10/2020 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1793/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P là không có cơ sở.

Ông Trần Văn T có hành vi lấn, chiếm đất do Uỷ ban nhân dân xã G quản lý và đã được các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Do đó, ông Trần Văn T không có quyền sử dụng đất hợp pháp trên diện tích đất này, việc ông T yêu cầu Uỷ ban nhân dân thành phố P thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là không có cơ sở.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

** Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã G trình bày:*

Theo ông Trần Văn T khai: Năm 2013, ông T có nhận chuyển nhượng của ông Siu Y và vợ là bà Siu V thửa đất số 51, tờ bản đồ số 47, diện tích 4139,5m^2 tại làng C, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thửa đất trên thuộc địa giới hành chính của xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai là đúng.

Nguồn gốc đất ông T nhận chuyển nhượng từ ông Siu Y và bà Siu V là không đúng, việc chuyển nhượng này chỉ viết giấy tay, không có xác nhận của chính quyền ủy ban nhân dân xã. Thửa đất trên thực tế có nguồn gốc là đất rừng do Công ty Xây dựng kinh tế thanh niên xung phong Gia Lai quản lý.

Năm 2011, Công ty Xây dựng kinh tế thanh niên xung phong Gia Lai giải thể theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai. Sau đó Công ty Xây dựng kinh tế thanh niên xung phong Gia Lai bàn giao lại đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Biển Hồ nhưng chỉ giao đất có diện tích rừng. Còn các khoảng đất trống còn lại giao cho Uỷ ban nhân dân xã G quản lý, trong phần đất trống Uỷ ban nhân dân xã G được giao quản lý có thửa đất ông T đang chấp với Uỷ ban nhân dân xã G, thành phố P.

Vị trí đất mà ông T tranh chấp, vào năm 2010 Uỷ ban nhân dân thành phố P đã giao cho Công ty Xây dựng kinh tế thanh niên xung phong Gia Lai và Uỷ ban nhân dân xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai chăm sóc, quản lý bảo vệ cây trồng theo Kế hoạch số 570 KH-UBND ngày 05/5/2010 của Uỷ ban nhân dân thành phố P v/v "Tổ chức lễ trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ năm 2010 địa bàn thành phố Pleiku". Ngày 19/5/2010, Uỷ ban nhân dân thành phố P tổ chức trồng cây trên diện tích 2ha (bao gồm đất ông T đang tranh chấp). Tuy nhiên, sau khi trồng cây được một thời gian thì cây chết nên đến năm 2011, sau khi Công ty Xây dựng kinh tế thanh niên xung phong Gia Lai giải thể và giao lại đất cho Uỷ ban nhân dân xã G quản lý thì chỉ còn đất trống.

Vị trí đất mà Uỷ ban nhân dân xã G đang quản lý cũng là đất ông T đang tranh chấp có tứ cận: Đông giáp đất ông Bùi Văn Quân đang tranh chấp với Uỷ ban nhân dân xã G; Tây giáp đất bà Phú đang lấn chiếm của Uỷ ban nhân dân xã G; Nam giáp rừng phòng hộ Bắc Biển Hồ; Bắc giáp đường đi liên xã. Thời điểm Uỷ ban nhân dân thành phố P tổ chức trồng cây nhớ ơn Bác Hồ vào ngày 19/5/2010 không có ai tranh chấp đất.

Từ năm 2011, Uỷ ban nhân dân xã G quản lý đất thì không có ai tranh chấp và cũng không có ai trồng cây hoặc thiết lập tài sản trên đất. Năm 2020 mới phát sinh tranh chấp đất là do ông Trần Văn T đến trồng trụ rào trên đất. Uỷ ban nhân dân xã G đã ngăn cản và lập biên bản vi phạm hành chính, lập tờ trình đề nghị Uỷ ban nhân dân thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do ông T có hành vi lấn chiếm đất công do Uỷ ban nhân dân xã G quản lý.

Việc ông Trần Văn T khởi kiện là không có căn cứ vì ông T không có các loại giấy tờ theo quy định của Luật đất đai để chứng minh là đất của mình. Việc chuyển nhượng đất cũng chỉ viết giấy tay không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông T cho rằng đất này do cha mẹ của ông Siu Y, bà Siu V khai hoang từ trước năm 1975 là không có căn cứ vì tại sổ địa chính và Bản đồ trích lục đất tại Uỷ ban nhân dân xã không có kê khai tên gia đình ông Siu Y và bà Siu V. Năm 2010, Uỷ ban nhân dân thành phố P tổ chức trồng cây nhớ ơn Bác Hồ không thấy ông Siu Y và bà Siu V đến can thiệp, tranh chấp.

**** Bà Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh Đ là ông Nguyễn Xuân Bốn trình bày:***

Năm 2013, chồng bà H là ông Trần Văn T nhận chuyển nhượng đất của ông Siu Y và bà Siu V (cư trú tại: Làng M, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai), diện tích 4.139,5 m^2 tại làng C, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nguồn gốc đất do ông cha mẹ ông Siu Y khai hoang từ trước năm 1975, sau đó cho lại ông Siu Y. Sau khi nhận đất thì ông Siu Y và bà Siu V chuyển nhượng lại cho ông T với giá trị chuyển nhượng là 300.000.000 đồng. Quá trình sử dụng đất, ông Siu Y chưa được cơ quan có thẩm quyền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Quyết định 53/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về rà soát 03 loại rừng của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thì diện tích đất mà ông Siu Y chuyển nhượng cho ông Trần Văn T không thuộc 03 loại đất rừng đã rà soát như: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

Theo Công văn số 1050/CV-TNMT ngày 11/7/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Gia Lai; Công văn số 401/CNVPĐK-ĐĐ ngày 10/02/2019 của Chi nhanh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Gia Lai; Trích lục bản đồ địa chính ngày 01/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P; Công văn số 27/CV-BQL ngày 01/3/2019 của Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Biển Hồ; Công văn số 2482/UBND-TNMT ngày 01/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P thì ông Siu Y chuyển nhượng đất cho ông Trần Văn T không trái pháp luật, đủ điều kiện để được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, bà H và anh Đ thống nhất với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, điểm h khoản 1 Điều 143 và điểm đ khoản 1 Điều 123, Điều 204, Điều 206, Điều 347, Điều 348, Điều 358 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 106, khoản 1 Điều 127 của Luật đất đai năm 2003; Luật khiếu nại năm 2012; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ sửa đổi, bổ sung một

số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của của ông Trần Văn T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Trần Văn T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý đất đai số 88/QĐ-XP ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả số 1777/QĐ-CCXP ngày 03/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 1793/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 10/5/2022 ông Trần Văn T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Án sơ thẩm đã giải quyết đúng theo các quy định của pháp luật, người kháng cáo không cung cấp chứng cứ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng,

người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đề nghị của các đương sự có mặt và của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung: ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu hủy các QĐHC: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 88/QĐ-XPHC ngày 30/6/2020; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả số 1777/QĐ-CCXP ngày 03/10/2020 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1793/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai; Đồng thời yêu cầu ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: thửa đất mà ông Trần Văn T yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thuộc quyền quản lý của nhà nước; ông Siu Y và bà Siu V sử dụng nhưng không kê khai đăng ký và chuyển nhượng trái phép cho ông Trần Văn T. Quá trình xét xử sơ thẩm, ông T cũng không cung cấp được giấy chuyển nhượng; vì vậy, tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 88/QĐ-XPHC ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P; HĐXX thấy rằng:

[3.1] Ông Trần Văn T là người bị xử phạt hành chính cho rằng thửa đất mà ông thuê người chôn trụ rào để sử dụng là nhận chuyển nhượng của ông Siu Y và bà Siu V vào năm 2013 với diện tích 4.139,5 m^2 tại làng C, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi chuyển nhượng, các bên chỉ viết giấy tay và không có xác nhận của chính quyền địa phương, ông T đã thanh toán cho ông Siu Y, bà Siu V số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài ra, thì ông Trần Văn T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình. Còn ông Siu Y khai nhận nguồn gốc thửa đất mà ông chuyển nhượng cho ông T là do cha, mẹ ông Siu Y khai hoang và canh tác từ trước đến nay rồi cho ông Siu Y quản lý, sử dụng nhưng không có giấy tờ gì. HĐXX thấy rằng: việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông Siu Y, bà Siu V và ông Trần Văn T là không đúng quy định pháp luật, thửa đất chuyển nhượng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất hợp pháp, không được thực hiện theo đúng hình thức quy định, vi phạm Điều 106 Luật Đất đai 2003, Điều 119 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành Luật đất đai năm 2013. Quá trình giải quyết, ông T khai nhận khi nhận chuyển nhượng đất thì ông Siu Y

chưa được cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất chuyển nhượng; giấy chuyển nhượng đất viết tay ông T đang giữ và sẽ nộp cho Tòa án. Tuy nhiên cho đến thời điểm xét xử phúc thẩm, ông T vẫn chưa giao nộp. Tuy nhiên, qua lời khai của ông T và ông Siu Y thì giấy chuyển nhượng này không có xác nhận của chính quyền địa phương, hai bên mua bán ký nhận với nhau trái pháp luật. Nên giấy chuyển nhượng này cũng không có cơ sở để xem xét về nguồn gốc đất chuyển nhượng, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án.

[3.2] Căn cứ theo Quyết định số 760/QĐ-CT ngày 28/5/2001 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt Dự án 661 thanh niên xung phong tỉnh Gia Lai giai đoạn 2001 - 2010 và Quyết định số 79/QĐ-PTNT ngày 17/3/2004 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán quản lý bảo vệ rừng năm 2004 thuộc dự án 661 Thanh niên xung phong Gia Lai và bản đồ giao khoán kèm theo thì thửa đất trên nằm trong khu vực rừng trồng năm 1997, thuộc tiểu khu 395 có phía Bắc giáp đường đi vào UBND xã G và tiếp giáp với địa giới Nông trường cao su I thuộc I. Năm 2008, khu đất này được xác định là đất rừng phòng hộ theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 04/02/2008. Năm 2010, UBND thành phố P tổ chức trồng cây nhớ ơn Bác, sau đó giao cho UBND xã G và Công ty Xây dựng kinh tế Thanh niên xung phong tiếp nhận, quản lý theo Kế hoạch số 578/KH-UBND ngày 05/5/2010. Tuy nhiên, sau khi trồng cây thì có một số hộ dân tự ý nhổ cây và cây bị chết nên trên đất không còn cây.

[3.3] Ngày 21/02/2011 UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND về việc chuyển giao dự án 661 do Công ty xây dựng kinh tế thanh niên xung phong Gia Lai quản lý sang Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Biển Hồ quản lý. Ngày 23/3/2011 UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND về việc giải thể Công ty Xây dựng kinh tế Thanh niên xung phong Gia Lai. Ngày 29/12/2011 UBND tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 121906 với diện tích 8.171,6 ha cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Biển Hồ. Ngày 29/12/2017 UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch số 4617/KH-UBND về việc triển khai thực hiện kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai, thì diện tích đã rà soát đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng của các tổ chức được thu hồi giao về cho địa phương theo quy định. Tại Kế hoạch số 741/KH-UBND ngày 09/5/2018 của UBND thành phố P về việc triển khai thực hiện kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 của thành phố P, giao trách nhiệm quản lý diện tích rừng hiện có cho Chủ tịch UBND các xã thì khu đất này thuộc đất rừng phòng hộ do UBND xã G quản lý.

[3.4] Như vậy, hành vi lấn chiếm đất rừng phòng hộ của ông Trần Văn T đã vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, có mức phạt là từ 15.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, UBND thành phố P quyết định xử phạt ông T với số tiền 27.500.000 đồng là phù hợp. Do đó, việc UBND thành phố P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Văn T với số tiền phạt là 27.500.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả số 1777/QĐ-CCXP ngày 03/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P; HĐXX thấy rằng: sau khi UBND thành phố P Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPHC ngày 30/6/2020 đối với ông T, đến ngày 03/7/2020, UBND xã G đã tiến hành tống đạt quyết định cho ông T. Trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012, ông T không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, ngày 14/7/2020, UBND xã G lập Báo cáo số 84/BC-UBND về việc đề xuất UBND thành phố P ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 03/10/2020 UBND thành phố P đã ban hành Quyêt định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1777/QĐ- CCXP đối với ông Trần Văn T. Quyết định cưỡng chế được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 28, 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 33, 34, 35 của Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 88/QĐ-XPHC ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T, buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, và trả lại đất lấn chiếm, tuy nhiên, ông T không chấp hành nên UBND thành phố P ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm để trả lại diện tích đã lấn chiếm là có căn cứ pháp luật.

[5] Xét kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1793/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai; HĐXX thấy rằng: Ngày 06/7/2020, ông T khiếu nại Quyết định xử phạt hành chính số 88/QĐ-XPHC ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P. Việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại. Việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T vì có hành vi lấn chiếm đất có nguồn gốc là đất rừng phòng hộ do UBND xã G quản

lý là đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc Chủ tịch UBND thành phố P giải quyết khiếu nại với nội dung: *''Không công nhận khiếu nại của ông T đối với Quyết định số 88/QĐ-XPHC ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai"* là đúng pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của của ông Trần Văn T về việc đề nghị tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho ông T là ông Hoàng Văn Tửu cho rằng ông T chỉ đề nghị tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật; nhưng tòa án cấp sơ thẩm xử Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của của ông là vượt quá yêu cầu khởi kiện, nên ông yêu cầu sửa nội dung này và chấp nhận đề nghị của ông T; HĐXX thấy rằng: trong tất cả các tài liệu có tại hồ sơ vụ án như: Đơn khởi kiện, Biên bản đối thoại, Biên bản phiên tòa sơ thẩm đều thể hiện nội dung là ông T khởi kiện yêu cầu tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật. Nhưng do ông T chưa lập hồ sơ thủ tục theo quy định để gửi các cơ quan chức năng trình UBND thành phố P xem xét cấp Giấy, nên cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu trên là đúng quy định. Tuy nhiên án sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 123 luật tố tụng hình chính *"sự việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án"* là không đúng, trong trường hợp này cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 123 "*thiếu điều kiện khởi kiện"* mới sát đúng; nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại vấn đề này.

[7] Từ những nhận định trên đây, xét thấy án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, việc kháng cáo của ông Trần Văn T là không có căn cứ. HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận đơn khởi kiện và kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Người kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Căn cứ các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, điểm h khoản 1 Điều 143 và điểm c khoản 1 Điều 123, Điều 204, Điều 206, Điều 347, Điều 348, Điều 358 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 106, khoản 1 Điều 127 của Luật đất đai năm 2003; Luật khiếu nại năm 2012; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP.

Tuyên xử:

1**.** Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của của ông Trần Văn T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Trần Văn T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý đất đai số 88/QĐ-XP ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả số 1777/QĐ-CCXP ngày 03/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 1793/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm. Ông T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0119 ngày 13/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Ông T đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/9/2022).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường